

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2574**/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 5 năm 2025

V/v xây dựng bộ dữ liệu
kinh tế - xã hội phục vụ
xây dựng và đánh giá
thực hiện Nghị quyết đại hội
Đảng bộ các cấp

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Công Thương, Nội vụ,
Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế,
Giáo dục và Đào tạo;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Chi cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XII;
- Chi cục Thuế khu vực XII;
- Chi cục Hải quan khu vực XII;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

Thực hiện nội dung Công văn số 5893/BTC-CTK ngày 05/5/2025 của Bộ Tài chính về việc xây dựng bộ dữ liệu kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng và đánh giá thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp (*được gửi trên Trục liên thông văn bản điện tử*), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Khẩn trương rà soát, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 - 2024 theo Phụ lục đính kèm Công văn này, báo cáo UBND tỉnh (qua Chi cục Thống kê tỉnh, Sở Tài chính) **chậm nhất trong ngày 08/5/2025**.

b) Chủ động phối hợp, theo dõi hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương thực hiện việc thu thập, tính toán và tổng hợp số liệu các chỉ tiêu thuộc ngành, lĩnh vực được phân công, phụ trách sau sáp nhập.

2. Giao Chi cục Thống kê tỉnh:

a) Trên cơ sở số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị, khẩn trương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh nội dung, trực tiếp báo cáo Cục Thống kê, UBND tỉnh **chậm nhất ngày 09/5/2025**.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính làm đầu mối và tổng hợp số liệu kinh tế - xã hội trên địa bàn sau sáp nhập./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Bộ Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP,
các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTHphap186.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2011	2012	2013	2014	2015	BQ 2011- 2015	2016	2017	2018	2019	2020	BQ 2016- 2020	2021	2022	2023	Sơ bộ 2024	Phân công đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	26	27
22	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Triệu đồng																		CCTK	
23	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%																			
	Tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của dân cư thành thị (Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung)	"																		Sở Xây dựng	
	Tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của dân cư nông thôn (Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn)	"																		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
24	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%																		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	Trong đó:																				
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	"																			
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	"																			
	MÔI TRƯỜNG																				
25	Tỷ lệ che phủ rừng	%																		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
26	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%																		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
27	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%																		Sở Y tế	
28	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%																		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
29	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%																		Sở Công thương/Ban QLKK-TĐQ và các KCN Quảng Ngãi	